

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 117/AMC

Nghệ An , ngày 14 tháng 8 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu

- Mã chứng khoán: AMC
- Địa chỉ: Lô 32 khu C, khu công nghiệp Nam Cẩm – xã Trung Lộc tỉnh Nghệ An
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02383 791777
- Email: amc@amcvina.vn Website: <http://amcvina.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên/năm 2026

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/8/2026 tại đường dẫn: <http://amcvina.vn/vi/quan-he-co-dong>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2026. (Không)

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*);.....

- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên 2026

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Lê Xuân Chiêu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày phê duyệt báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Việt Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Văn Chiến	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Chiến	Giám đốc
------------------	----------

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Hường	Trưởng Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 29/04/2026)
Ông Bùi Nam Anh	Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 29/04/2026)
Bà Hà Thị Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Văn Chiến - Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Lê Văn Chiến

Giám đốc

Ngày 11 tháng 08 năm 2026

Số: 081101/2026/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (gọi tắt là "Công ty"), được phê duyệt ngày 11 tháng 08 năm 2026, từ trang 6 đến trang 34 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



X

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tới Thuyết minh số V.7 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty đang theo dõi tài sản cố định vô hình là quyền khai thác mỏ đá Châu Quang theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1116/QG-BTNMT ngày 31/08/2004 được cấp bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường, cấp phép cho Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế - cổ đông lớn của Công ty. Thời gian khai thác từ ngày 31/08/2004 đến ngày 31/08/2034. Đây là tài sản Công ty nhận góp vốn từ cổ đông này. Mỏ Châu Quang đã được bàn giao cho Công ty theo Biên bản giao nhận Tài sản và vốn góp thành lập Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu số 312/BB-CP ngày 22/02/2008; giá trị quyền khai thác mỏ đã làm thủ tục xuất hóa đơn và kê khai thuế. Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển tên quyền khai thác mỏ đá này trong thời gian tới.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lê Quốc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2025-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		68.077.083.445	50.988.643.969
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.611.006.121	3.063.872.360
1. Tiền	111	V.1	7.611.006.121	3.063.872.360
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.733.792.144	20.789.777.859
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	29.288.803.533	20.578.263.172
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		615.320.000	360.717.900
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.3a	179.116.051	200.244.227
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.4	(349.447.440)	(349.447.440)
III. Hàng tồn kho	140		14.706.733.257	14.152.978.939
1. Hàng tồn kho	141	V.5	14.706.733.257	14.152.978.939
IV. Tài sản ngắn hạn khác	160		16.025.551.923	12.982.014.811
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	1.057.096.334	890.166.693
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		14.935.904.434	11.845.212.228
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.10a	32.551.155	246.635.890
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.064.043.918	54.842.025.668
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.031.361.876	5.626.677.131
1. Phải thu dài hạn khác	215	V.3b	6.031.361.876	5.626.677.131
II. Tài sản cố định	220		34.726.085.308	37.468.463.131
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	33.558.809.709	36.221.976.636
- Nguyên giá	222		116.240.358.686	114.769.274.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.681.548.977)	(78.547.297.681)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.167.275.599	1.246.486.495
- Nguyên giá	228		3.200.254.101	3.200.254.101
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.032.978.502)	(1.953.767.606)
III. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	1.218.850.117
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	1.218.850.117
IV. Tài sản dài hạn khác	270		12.306.596.734	10.528.035.289
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	12.306.596.734	10.528.035.289
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		121.141.127.363	105.830.669.637

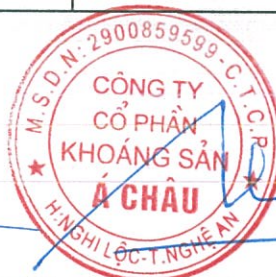
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		65.652.016.638	50.997.654.818
I. Nợ ngắn hạn	310		54.986.924.374	38.903.715.376
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	28.774.836.928	18.285.342.251
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		44.263.800	662.722.889
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.11	3.874.141.000	26.650.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.10b	1.094.541.118	429.480.427
5. Phải trả người lao động	315		6.618.205.193	7.779.394.128
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.12	819.852.953	828.375.356
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.13	1.899.214.798	1.337.800.853
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.15	11.260.318.903	9.553.409.198
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		601.549.681	540.274
II. Nợ dài hạn	330		10.665.092.264	12.093.939.442
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.16	7.024.614.449	8.672.414.449
2. Dự phòng phải trả dài hạn	343	V.14	3.640.477.815	3.421.524.993
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.17	55.489.110.725	54.833.014.819
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.749.900.000	42.749.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.749.900.000	42.749.900.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.121.814.412	5.657.718.770
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.617.396.313	6.425.396.049
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		5.617.396.313	6.425.396.049
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		121.141.127.363	105.830.669.637


Hoàng Thị Oanh
Người lập biểu


Quế Minh Hoàng
Kế toán trưởng




Lê Văn Chiến
Giám đốc
Phê duyệt, ngày 11 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		102.079.070.828	82.562.830.257
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	102.079.070.828	82.562.830.257
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	54.395.961.112	48.709.049.326
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.683.109.716	33.853.780.931
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	703.723.890	616.109.019
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	1.579.611.865	275.191.184
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		702.709.153	260.833.651
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	31.937.565.897	24.782.736.600
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.041.183.822	5.343.832.660
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.828.472.022	4.068.129.506
12. Thu nhập khác	31		219	32.394
13. Chi phí khác	32	VI.7	485.564.141	416.667.938
14. Lợi nhuận khác	40		(485.563.922)	(416.635.544)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.342.908.100	3.651.493.962
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.725.511.787	833.571.747
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.617.396.313	2.817.922.215
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.086	545
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.086	545


Hoàng Thị Oanh
Người lập biểu


Quế Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Văn Chiến
Giám đốc
Phê duyệt, ngày 11 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	98.534.029.889	86.000.482.429
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(69.661.756.977)	(58.205.040.235)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.026.395.052)	(13.712.780.182)
4. Chi phí đi vay đã trả	04	(702.434.893)	(262.227.658)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.198.456.405)	(771.543.823)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	412.873.588	358.300.593
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.729.606.024)	(7.209.798.860)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.628.254.126	6.197.392.264
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(994.674.707)	(7.088.387.649)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.932.675	2.086.874
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(990.742.032)	(7.086.300.775)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.958.418.903	11.931.951.138
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.905.609.198)	(10.633.697.117)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	52.809.705	1.298.254.021
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.690.321.799	409.345.510
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.063.872.360	4.081.563.486
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(143.188.038)	(1.678.368)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.611.006.121	4.489.230.628


Hoàng Thị Oanh
Người lập biểu


Quế Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Văn Chiến
Giám đốc
Phê duyệt, ngày 11 tháng 08 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715 ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Ngày 29 tháng 05 năm 2015, Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất với mã số doanh nghiệp là 2900859599. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 01 năm 2026.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2026 là 42.749.900.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi hai tỷ bảy trăm bốn mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng chẵn) tương ứng 4.274.990 cổ phần.

Địa chỉ Công ty tại Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá vôi trắng siêu mịn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất và chế biến sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại làm phụ gia trong các ngành công nghiệp như sơn, nhựa, giấy, cao su, thức ăn chăn nuôi...;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán sản phẩm bột đá CaCO₃ các loại;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán lẻ sản phẩm bột đá CaCO₃ các loại (Bán trực tiếp tại nhà máy, chuyển phát theo địa chỉ, giao trực tiếp tới nhà người sử dụng, bán lẻ đại lý hưởng hoa hồng);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất bột trát tường;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá, chi tiết: Sản xuất sản phẩm bột đá CaCO₃ và sản xuất đá xẻ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Bán buôn đá xẻ và các loại vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Cho thuê mặt bằng;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 108 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 106 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty xác định giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh để hạch toán hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm tiền phí cấp quyền khai thác mỏ, chi phí sửa chữa và chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng.

Phí cấp quyền khai thác mỏ phân bổ theo thời gian khai thác mỏ căn cứ theo Giấy phép khai thác khoáng sản và có điều chỉnh theo Thông báo của cơ quan thuế hằng năm.

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>Số năm</u>	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 30	05 - 30
Máy móc và thiết bị	04 - 15	04 - 15
Phương tiện vận tải	03 - 12	03 - 12
Tài sản cố định khác	04	04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tài sản cố định vô hình tại Công ty bao gồm:

Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có quyền khai thác mỏ đá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao (Tiếp theo)****Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)**

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà công ty đã chi ra để được cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

Quyền khai thác mỏ

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Số năm

20

06

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ, có khả năng Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó và giá trị của nghĩa vụ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải trả tại Công ty bao gồm: chi phí hoàn nguyên môi trường mỏ Châu Hồng và Châu Quang.

Giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chi phí ước tính để thực hiện các công việc san gạt mặt bằng, phủ đất màu, trồng cây phục hồi và các hạng mục khác theo quy định của pháp luật về khoáng sản và bảo vệ môi trường. Công ty trích lập dự phòng căn cứ theo phương án cải tạo phục hồi môi trường và dự toán kinh phí đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Khoản dự phòng được ghi nhận thành nhiều kỳ trong suốt thời gian khai thác và dự kiến được sử dụng khi Công ty thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án đã được phê duyệt. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty rà soát lại giá trị dự phòng trên cơ sở các ước tính hiện hành, bao gồm việc xem xét ảnh hưởng của yếu tố trượt giá dự kiến trong thời gian thực hiện nghĩa vụ để điều chỉnh bổ sung (nếu có).

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính (nếu có) được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Vốn chủ sở hữu**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được phân bổ theo số lượng cổ phiếu phát hành thành công và không thành công:

- Phần chi phí phân bổ cho cổ phiếu phát hành thành công được bù trừ vào thặng dư vốn.
- Phần chi phí liên quan đến cổ phiếu phát hành không thành công được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu là số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về thuế tối thiểu toàn cầu.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Công ty có khả năng chắc chắn thu được lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	113.710.062	387.699.355
Tiền gửi không kỳ hạn (i)	7.497.296.059	2.676.173.005
Cộng	7.611.006.121	3.063.872.360

(i) Chi tiết số dư tiền gửi không kỳ hạn của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	4.108.683.808	1.472.975.798
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An	3.096.324.736	-
Ngân hàng khác	292.287.515	1.203.197.207
Cộng	7.497.296.059	2.676.173.005

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
RBL Natural Resources LTD	5.879.212.311	-	715.552.880	-
Sambath Makara	3.938.042.250	-	5.102.044.324	-
20 Microns Limited	3.897.122.931	-	6.331.104.445	-
MEL LEAB	3.821.939.625	-	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	11.752.486.416	(349.447.440)	8.429.561.523	(349.447.440)
Cộng	29.288.803.533	(349.447.440)	20.578.263.172	(349.447.440)

3. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
Phải thu người lao động do tạm ứng lương	-	-	79.000.000	-
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	105.689.051	-	111.244.227	-
Phải thu khác	73.427.000	-	10.000.000	-
Cộng	179.116.051	-	200.244.227	-
b. Dài hạn				
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	4.365.383.373	-	4.001.218.907	-
Ký quỹ bảo lãnh hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt	1.007.922.465	-	1.007.922.465	-
Phải thu khác	658.056.038	-	617.535.759	-
Cộng	6.031.361.876	-	5.626.677.131	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	360.460.200	11.012.760	(349.447.440)	360.460.200	11.012.760	(349.447.440)
Công ty Cổ phần Daeil Polychem & Friends	124.000.000	-	(124.000.000)	124.000.000	-	(124.000.000)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Đại Nam	97.470.000	-	(97.470.000)	97.470.000	-	(97.470.000)
Công ty Cổ phần TSD Global	58.521.000	-	(58.521.000)	58.521.000	-	(58.521.000)
Phải thu khách hàng khác	80.469.200	11.012.760	(69.456.440)	80.469.200	11.012.760	(69.456.440)
Cộng	360.460.200	11.012.760	(349.447.440)	360.460.200	11.012.760	(349.447.440)

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.880.789.132	-	4.698.666.810	-
Công cụ, dụng cụ	56.670.805	-	42.745.138	-
Sản phẩm	6.443.569.310	-	4.526.014.771	-
Hàng gửi đi bán	1.325.704.010	-	4.885.552.220	-
Cộng	14.706.733.257	-	14.152.978.939	-

Trong kỳ, không có vật tư, hàng hóa nào được dùng để thế chấp tại ngân hàng và các tổ chức khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	38.295.572.222	63.906.663.414	12.481.206.864	85.831.817	114.769.274.317
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	268.850.117	752.234.252	450.000.000	-	1.471.084.369
Số dư cuối kỳ	38.564.422.339	64.658.897.666	12.931.206.864	85.831.817	116.240.358.686
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	23.446.398.525	46.225.275.616	8.789.791.723	85.831.817	78.547.297.681
Khấu hao trong kỳ	1.335.027.421	2.325.704.695	473.519.180	-	4.134.251.296
Số dư cuối kỳ	24.781.425.946	48.550.980.311	9.263.310.903	85.831.817	82.681.548.977
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	14.849.173.697	17.681.387.798	3.691.415.141	-	36.221.976.636
Tại ngày cuối kỳ	13.782.996.393	16.107.917.355	3.667.895.961	-	33.558.809.709

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 với giá trị là 41.914.869.209 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 41.567.786.593 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 18.970.619.678 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 20.504.799.971 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền khai thác mỏ (*) VND	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO) VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	3.168.435.919	31.818.182	3.200.254.101
Số dư cuối kỳ	3.168.435.919	31.818.182	3.200.254.101
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	1.921.949.424	31.818.182	1.953.767.606
Khấu hao trong kỳ	79.210.896	-	79.210.896
Số dư cuối kỳ	2.001.160.320	31.818.182	2.032.978.502
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	1.246.486.495	-	1.246.486.495
Tại ngày cuối kỳ	1.167.275.599	-	1.167.275.599

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 với giá trị là 31.818.182 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 31.818.182 đồng).

(*) Bao gồm quyền khai thác mỏ đá Châu Hồng và mỏ đá Châu Quang:

Quyền khai thác mỏ đá Châu Quang theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1116/QG-BTNMT ngày 31/08/2004 được cấp bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường, cấp phép cho Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế - cổ đông lớn của Công ty. Thời gian khai thác từ ngày 31/08/2004 đến ngày 31/08/2034. Đây là tài sản Công ty nhận góp vốn từ cổ đông này. Việc bàn giao mỏ Châu Quang đã được thực hiện theo Biên bản giao nhận Tài sản và vốn góp thành lập Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu số 312/BB-CP ngày 22/02/2008. Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế đã xuất hóa đơn giá trị quyền khai thác mỏ cho Công ty và Công ty đã thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng đầy đủ. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển đổi tên trên Giấy phép khai thác mỏ từ Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế sang Công ty.

Quyền khai thác mỏ đá Châu Hồng theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1136/QG-BTNMT ngày 15/05/2015 được cấp bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường, cấp phép cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu. Thời gian khai thác 22 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

8. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	598.793.993	282.527.878
Chi phí bảo hiểm	12.809.152	10.471.061
Chi phí khác	445.493.189	597.167.754
Cộng	1.057.096.334	890.166.693
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	733.984.615	141.877.050
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản (i)	9.940.940.897	10.315.017.613
Chi phí làm đường, bóc mỏ	1.511.671.222	-
Chi phí khác	120.000.000	71.140.626
Cộng	12.306.596.734	10.528.035.289

(i) Bao gồm tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá Châu Hồng và mỏ đá Châu Quang.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU
Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH KS Long Anh	6.114.616.184	6.114.616.184	3.232.198.728	3.232.198.728
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp Vận Toàn Cầu tại Nghệ An	4.974.095.666	4.974.095.666	2.788.101.230	2.788.101.230
Công ty Cổ phần Bao bì Nghệ An	3.561.206.234	3.561.206.234	2.660.184.881	2.660.184.881
Công ty Cổ Phần Nhật Việt	3.511.046.041	3.511.046.041	2.994.400.623	2.994.400.623
Phải trả các đối tượng khác	10.613.872.803	10.613.872.803	6.610.456.789	6.610.456.789
Cộng	28.774.836.928	28.774.836.928	18.285.342.251	18.285.342.251
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1)	138.039.655	138.039.655	-	-

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu ngắn hạn				
Thuế nhập khẩu, xuất khẩu	32.551.155	3.595.762.535	3.381.677.800	246.635.890
Cộng	32.551.155	3.595.762.535	3.381.677.800	246.635.890
b. Các khoản phải nộp ngắn hạn				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	952.141.609	1.725.511.787	1.198.456.405	425.086.227
Thuế thu nhập cá nhân	-	469.715.318	472.067.318	2.352.000
Thuế tài nguyên	52.272.837	96.746.535	44.473.698	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	77.811.634	155.623.269	77.811.635	-
Thuế bảo vệ môi trường	11.995.038	33.379.889	23.147.051	1.762.200
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	320.000	166.502.984	166.462.984	280.000
Cộng	1.094.541.118	2.647.479.782	1.982.419.091	429.480.427

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂULô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam**MẪU SỐ B 09a - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**11. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	1.539.000.000	-
Phải trả cổ tức, lợi nhuận khác	2.335.141.000	26.650.000
Cộng	3.874.141.000	26.650.000
Phải trả cổ tức, lợi nhuận là bên liên quan	1.728.135.000	-

(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1)

Toàn bộ số phải trả về cổ tức sẽ được thanh toán bằng tiền trong vòng 6 tháng kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết (trừ khoản cổ tức phải trả năm 2024 cho ông Nguyễn Văn Bình (đã mất) số tiền 26.650.000 đồng đã quá hạn thanh toán).

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay	18.816.826	18.542.566
Chi phí tiền điện	726.566.244	729.832.793
Chi phí phải trả khác	74.469.883	79.999.997
Cộng	819.852.953	828.375.356

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	14.360.540	13.462.622
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	1.493.597.008	907.794.858
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	284.266.010	284.280.132
Các khoản phải trả, phải nộp khác	106.991.240	132.263.241
Cộng	1.899.214.798	1.337.800.853
Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan	1.777.863.018	1.192.074.990

(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1)

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự phòng phải trả chi phí hoàn nguyên môi trường mỏ đá Châu Hồng	1.828.623.887	1.720.473.467
Dự phòng phải trả chi phí hoàn nguyên môi trường mỏ đá Châu Quang	1.811.853.928	1.701.051.526
Cộng	3.640.477.815	3.421.524.993



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU
Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	7.964.718.903	7.964.718.903	7.964.718.903	6.257.809.198	6.257.809.198	6.257.809.198
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh {i}	7.964.718.903	7.964.718.903	7.964.718.903	6.257.809.198	6.257.809.198	6.257.809.198
Cộng	7.964.718.903	7.964.718.903	7.964.718.903	6.257.809.198	6.257.809.198	6.257.809.198
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.295.600.000	3.295.600.000			3.295.600.000	3.295.600.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	3.295.600.000	3.295.600.000			3.295.600.000	3.295.600.000
Cộng các khoản nợ ngắn hạn	11.260.318.903	11.260.318.903			9.553.409.198	9.553.409.198

{i} Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 05/26/9PB/HDHM/VND/AMC ngày 09/06/2026 hạn mức cho vay không vượt quá 20.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng Việt Nam) và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 05/26/9PB/HDHM/USD/AMC ngày 09/06/2026, hạn mức cho vay không vượt quá 750. 000 USD (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi nghìn đô la Mỹ). Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày có hiệu lực của Hợp đồng này, nếu hết thời hạn duy trì hạn mức cho vay mà không sử dụng hoặc sử dụng không hết hạn mức cho vay thì không được tiếp tục sử dụng Hạn mức cho vay. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Số dư vay tại ngày 30/06/2026 là 7.011.942.903 đồng và 36.000 USD (tương ứng 952.776.000 đồng).

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh được đảm bảo bởi các tài sản sau:

Tài sản gắn liền với thửa đất tại xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 theo Hợp đồng thế chấp số 05/2015/AMC/TCBDS1 ký ngày 14/10/2015.

Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 05/2018/AMC/TC và 05/2020/AMC/TC ký ngày 28/08/2020.

Xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp số 05/2018/AMC/TC1 ký ngày 26/07/2018.

Toàn bộ tài sản máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư mở rộng dây chuyền nghiền siêu mịn và tráng phủ bột đá CaCO3 tăng năng lực sản xuất theo Hợp đồng thế chấp số 05/2024/TC/MMTB/TSHTTTL/AMC ký ngày 29/05/2024.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,

Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	10.320.214.449	10.320.214.449	-	1.647.800.000	11.968.014.449	11.968.014.449
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh {i}	10.320.214.449	10.320.214.449	-	1.647.800.000	11.968.014.449	11.968.014.449
Cộng	10.320.214.449	10.320.214.449	-	1.647.800.000	11.968.014.449	11.968.014.449
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần V15. Vay và nợ ngắn hạn)	(3.295.600.000)	(3.295.600.000)			(3.295.600.000)	(3.295.600.000)
Cộng các khoản nợ dài hạn	7.024.614.449	7.024.614.449			8.672.414.449	8.672.414.449

{i} Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 05/2024/TDH/AMC ngày 30/05/2024; trong đó: số tiền cam kết cho vay tối đa là 17.000.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ; nhằm mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Phương án "Đầu tư mở rộng dây chuyền nghiền siêu mịn và tráng phủ bột đá CaCO₃ tăng năng lực sản xuất".

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 05/2025/TDH/AMC ngày 11/04/2025; trong đó: số tiền cam kết cho vay tối đa là 4.296.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ; nhằm mục đích thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Phương án "Đầu tư mở rộng dây chuyền nghiền siêu mịn và tráng phủ bột đá CaCO₃ tăng năng lực sản xuất".

Tài sản đảm bảo khoản vay xem chi tiết tại Thuyết minh số V.15i.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	3.295.600.000	3.295.600.000
Trong năm thứ hai	3.295.600.000	3.295.600.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.729.014.449	5.376.814.449
Cộng	10.320.214.449	11.968.014.449
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	3.295.600.000	3.295.600.000
Số phải trả sau 12 tháng	7.024.614.449	8.672.414.449

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2025	28.500.000.000	18.194.360.710	6.186.953.400	52.881.314.110
Vốn góp tăng trong năm	14.249.900.000	(14.249.900.000)	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	6.425.396.049	6.425.396.049
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.713.258.060	(1.713.258.060)	-
Chia cổ tức	-	-	(3.705.000.000)	(3.705.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(618.695.340)	(618.695.340)
Chi thưởng ban điều hành	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2026	42.749.900.000	5.657.718.770	6.425.396.049	54.833.014.819
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	5.617.396.313	5.617.396.313
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	1.464.095.642	(1.464.095.642)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	(3.847.491.000)	(3.847.491.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.113.809.407)	(1.113.809.407)
Số dư tại ngày 30/06/2026	42.749.900.000	7.121.814.412	5.617.396.313	55.489.110.725

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.274.990	4.274.990
- Cổ phiếu phổ thông	4.274.990	4.274.990
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.274.990	4.274.990
- Cổ phiếu phổ thông	4.274.990	4.274.990
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.		

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị (đồng)	Số lượng	Giá trị (đồng)
Dollar Mỹ (USD)	240.741,23	6.185.639.601	793,81	20.700.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.079.070.828	82.562.830.257
Trong đó:		
- Doanh thu bán sản phẩm	102.079.070.828	80.286.100.929
- Doanh thu bán hàng hóa	-	1.946.729.328
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	330.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.079.070.828	82.562.830.257
Doanh thu với các bên liên quan	-	124.080.000
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.1)</i>		

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của sản phẩm đã bán	54.395.961.112	47.621.164.992
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	1.043.721.214
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	44.163.120
Cộng	54.395.961.112	48.709.049.326

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, lãi tiền gửi ký quỹ phục hồi môi trường	44.452.954	48.461.175
Lãi chênh lệch tỷ giá	659.270.936	567.647.844
Cộng	703.723.890	616.109.019

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đi vay	702.709.153	260.833.651
Lỗ chênh lệch tỷ giá	876.902.712	14.357.533
Cộng	1.579.611.865	275.191.184

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.184.993.127	932.025.591
Chi phí vật liệu, bao bì	228.076.437	231.705.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.924.244	29.924.244
Chi phí vận chuyển hàng bán	27.861.706.694	21.518.824.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.913.842.298	1.510.673.107
Chi phí khác bằng tiền	719.023.097	559.583.430
Cộng	31.937.565.897	24.782.736.600

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.294.268.092	3.565.022.922
Chi phí vật liệu quản lý	140.917.510	128.396.436
Chi phí đồ dùng văn phòng	132.015.231	152.761.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	263.005.056	246.082.538
Thuế, phí, lệ phí	35.183.670	38.183.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	422.726.693	471.742.232
Chi phí khác bằng tiền	753.067.570	741.643.590
Cộng	7.041.183.822	5.343.832.660

7. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản bị phạt	13.320.984	-
Chi phí tại mỏ đá Châu Quang	409.484.519	416.279.434
Chi phí khác	62.758.638	388.504
Cộng	485.564.141	416.667.938

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.342.908.100	3.651.493.962
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	40.679.753	51.218.921
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản phải thu, tiền	5.758.798	51.218.921
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện kỳ trước, đã thực hiện kỳ này của khoản mục tiền gửi và phải thu có gốc ngoại tệ	34.920.955	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.325.330.586	567.583.696
- Thủ lao HĐQT không trực tiếp điều hành	42.525.000	40.321.128
- Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính	13.320.984	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại các khoản phải thu, nợ phải thu	641.217.794	1.700.968
- Chi phí không được trừ khác	628.266.808	525.561.600
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	8.627.558.933	4.167.858.737
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.725.511.787	833.571.747
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.725.511.787	833.571.747

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**9. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.617.396.313	2.817.922.215
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(973.746.802)	(488.472.344)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.643.649.511	2.329.449.871
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.274.990	4.274.990
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.086	545
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số cổ phiếu lưu hành đầu năm	4.274.990	2.850.000
Số cổ phiếu lưu hành từ cổ tức được chia (**)	-	1.424.990
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.274.990	4.274.990

- (*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 và 50% tiền thưởng ban điều hành năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2026.

Trong kỳ, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2025 phù hợp với hướng dẫn tại Chuẩn mực Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

- (**) Trong năm 2025, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ đầu tư phát triển. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2025 phù hợp với hướng dẫn tại Chuẩn mực Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

	Số báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.817.922.215	-	2.817.922.215
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(356.792.222)	(131.680.122)	(488.472.344)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.461.129.993	(131.680.122)	2.329.449.871
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.850.000	1.424.990	4.274.990
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	864		545

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.804.878.955	24.383.678.791
Chi phí nhân công	15.002.009.590	12.507.098.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.213.462.192	2.678.326.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.393.526.570	35.409.900.004
Chi phí khác bằng tiền	2.008.206.476	2.363.670.088
Cộng	93.422.083.783	77.342.673.151

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Số tiền đi vay thực thu trong kỳ: **7.958.418.903 đồng**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 7.958.418.903 đồng

Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ: **7.905.609.198 đồng**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 7.905.609.198 đồng

VIII. THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần Du lịch Trường Sơn COECCO	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xi măng Thanh Sơn (Đã dừng hoạt động)	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Coecco - Lào (Thành lập ở Lào)	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Phát triển Miền núi (Thành lập ở Lào)	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty khoáng sản COECCO (Thành lập ở Lào)	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nước khoáng và Du lịch Sơn Kim	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV KS và Luyện kim Viêng Chăn	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần gạch ngói 30/4	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Công nghiệp cao su Coecco	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng	-	124.080.000
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	-	124.080.000
Mua hàng	834.849.585	766.171.170
Công ty Cổ phần Nước khoáng và Du lịch Sơn Kim	10.324.075	11.907.407
Công ty Cổ phần Du lịch Trường Sơn Coecco	238.723.360	-
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	585.802.150	754.263.763

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả người bán	138.039.655	-
Công ty Cổ phần Nước khoáng và Du lịch Sơn Kim	2.365.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Trường Sơn Coecco	135.674.655	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.777.863.018	1.192.074.990
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	1.493.597.008	907.794.858
Thủ lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	284.266.010	284.280.132
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	1.728.135.000	-
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	1.539.000.000	-
Ông Lê Văn Chiến	39.150.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngân	129.735.000	-
Ông Nguyễn Văn Hùng	6.750.000	-
Ông Nguyễn Thành Hưng	13.500.000	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thủ lao Hội đồng Quản trị	765.903.771	606.889.859
+ Ông Phạm Việt Hùng - Chủ tịch HĐQT	595.803.771	445.605.339
+ Ông Lê Văn Chiến - Thành viên HĐQT	42.525.000	40.321.130
+ Bà Nguyễn Thị Ngân - Thành viên HĐQT	42.525.000	40.321.130
+ Ông Nguyễn Văn Hùng - Thành viên HĐQT	42.525.000	40.321.130
+ Ông Nguyễn Thành Hưng - Thành viên HĐQT	42.525.000	40.321.130
Lương, thưởng của người quản lý	1.044.060.265	782.216.205
+ Ông Lê Văn Chiến - Giám đốc	643.207.738	480.805.781
+ Ông Quế Minh Hoàng - Kế toán trưởng	400.852.527	301.410.424
Thủ lao Ban kiểm soát	94.175.341	87.854.010
+ Ông Nguyễn Văn Hướng - Trưởng ban kiểm soát	12.589.074	-
+ Ông Bùi Nam Anh - Nguyên Trưởng ban kiểm soát	24.958.267	35.141.604
+ Bà Trần Thị Hồng Thái - Thành viên BKS	28.314.000	26.356.203
+ Bà Hà Thị Trang - Thành viên BKS	28.314.000	26.356.203
Cộng	1.904.139.377	1.476.960.074

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**2. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Kỳ này			
Tổng doanh thu phân bổ	31.181.678.044	70.897.392.784	102.079.070.828
Tổng chi phí phân bổ	27.632.311.100	58.701.215.909	86.333.527.009
Kết quả kinh doanh của bộ phận	3.549.366.944	12.196.176.875	15.745.543.819
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			703.724.109
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			10.831.871.615
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			5.617.396.313
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			2.839.510.424
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.534.103.930	3.488.072.989	5.022.176.919
Kỳ trước			
Tổng doanh thu phân bổ	37.098.485.675	45.464.344.582	82.562.830.257
Tổng chi phí phân bổ	37.620.392.614	35.871.393.312	73.491.785.926
Kết quả của bộ phận	(521.906.939)	9.592.951.270	9.071.044.331
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			616.141.413
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			6.869.263.529
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.817.922.215
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			16.698.448.897
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.532.363.436	1.877.917.602	3.410.281.038

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm,
Xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**2. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.072.765.306	20.216.038.227	29.288.803.533
Các tài sản không phân bổ của bộ phận			91.852.323.830
Tổng tài sản			121.141.127.363
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	44.263.800	-	44.263.800
Nợ phải trả không phân bổ của bộ phận			65.607.752.838
Tổng nợ phải trả			65.652.016.638
Số đầu kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	8.388.881.403	12.189.381.769	20.578.263.172
Các tài sản không phân bổ của bộ phận			85.252.406.465
Tổng tài sản			105.830.669.637
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	80.348.897	582.373.992	662.722.889
Nợ phải trả không phân bổ của bộ phận			50.334.931.929
Tổng nợ phải trả			50.997.654.818

Lĩnh vực kinh doanh

Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là khai thác đá và sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**3. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán và trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cùng các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét và được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, do năm 2026 Công ty thay đổi áp dụng chế độ kế toán từ Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 sang Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01 tháng 01 năm 2026:

CHỈ TIÊU	Mã số	Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2024 (VND)	Theo thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 (VND)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	50.988.643.969	50.988.643.969
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	890.166.693	
2. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.528.035.289	
3. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		890.166.693
4. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		10.528.035.289
NỢ PHẢI TRẢ	300	50.997.654.818	50.997.654.818
1. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.364.450.853	
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		1.337.800.853
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		26.650.000

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025:

CHỈ TIÊU	Mã số	Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2024 (VND)	Theo thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền lãi vay đã trả	04	(262.227.658)	-
Chi phí đi vay đã trả	04	-	(262.227.658)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất nộp tiền hàng năm số 242/HĐ-TĐ ngày 31/12/2015 với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, thuê đất tại xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An với mục đích khai thác khoáng sản (đá hoa). Thời hạn thuê đất đến ngày 15/05/2037. Diện tích đất thuê là 120.360 m².

Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất nộp tiền hàng năm số 40/HĐ-TĐ ngày 22/04/2021 với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, thuê đất tại xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An với mục đích xây dựng công trình phụ trợ và bãi thải phục vụ khai thác mỏ đá hoa tại bản Ngọc, xã Châu Hồng. Thời hạn thuê đất đến ngày 01/07/2037. Diện tích đất thuê là 16.434,4 m².

Ngoài ra, Công ty đã thực hiện ký Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 03PLHĐ/2008/TLĐ ngày 15/09/2008 với Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nghệ An theo đó điều chỉnh Bên thuê lại đất của Hợp đồng thuê đất số 20HĐ/2005/TLĐ ngày 09/09/2005 từ Công ty Hợp tác Kinh tế sang Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu. Thuê lại 40.054 m² đất tại Khu công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà máy chế biến bột đá vôi trắng siêu mịn. Thời hạn thuê đất là 49 năm kể từ ngày 16/02/2005. Tiền thuê đất trả hàng năm.

5. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2026 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.


Hoàng Thị Oanh
Người lập biểu


Quế Minh Hoàng
Kế toán trưởng


Lê Văn Chiến
Giám đốc

Phê duyệt, ngày 11 tháng 08 năm 2026